

KHUNG PHÁP LÝ THÚC ĐẨY KINH TẾ TUẦN HOÀN: KINH NGHIỆM THẾ GIỚI VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

● NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

TÓM TẮT:

Mục đích của nghiên cứu là đề xuất một số vấn đề trong xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh hoạt động kinh tế tuần hoàn thông qua việc hệ thống hóa cơ sở lý luận và chính sách pháp luật của một số nước trên thế giới. Nghiên cứu cho thấy, đa phần các quốc gia đi tiên phong trong thực hiện kinh tế tuần hoàn và xây dựng được khung pháp lý phù hợp đều tạo ra bước đột phá mạnh mẽ trong chiến lược phát triển bền vững. Đây chính là bài học kinh nghiệm vô cùng quý giá đối với Việt Nam. Bằng cách gợi mở một số vấn đề, nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn đối với việc xây dựng khung pháp lý thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng sâu sắc và những bất cập của nền kinh tế tuyến tính ngày càng thể hiện rõ nét.

Từ khóa: kinh tế tuần hoàn, khung pháp lý, phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Kinh tế tuần hoàn (KTTH) đang là xu hướng trên thế giới, giúp giải quyết bài toán kinh tế và môi trường, hướng tới phát triển bền vững. Đây cũng là “từ khóa” đang ngày càng được quan tâm trong giới học thuật và các nhà hoạch định chính sách. Chiến lược này có mục tiêu giải quyết các thách thức về khan hiếm tài nguyên và xử lý chất thải, theo cách tiếp cận đôi bên cùng có lợi từ góc độ kinh tế và giá trị (Galvão et al., 2018).

Hòa cùng xu hướng đó, Việt Nam đang trong quá trình xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật điều chỉnh hoạt động KTTH, tuy nhiên hệ thống này vẫn chưa đồng bộ và còn nhiều khoảng trống, cần được nghiên cứu kỹ lưỡng và toàn diện hơn.

2. Tổng quan về KTTH và nhu cầu điều chỉnh của pháp luật đối với kinh tế tuần hoàn

2.1. Báo động cạn kiệt tài nguyên và gia tăng rác thải

Kinh tế tuyến tính là mô hình “khai thác, sản

xuất, thải bỏ”, biến tài nguyên thành chất thải, về lâu dài sẽ dẫn tới cạn kiệt tài nguyên và gia tăng lượng rác thải không được xử lý hiệu quả. Theo báo cáo Circularity Gap 2020, thế giới đang sử dụng hơn 100 tỷ tấn tài nguyên thiên nhiên mỗi năm, trong khi việc tái chế nguyên liệu thô đang giảm mạnh. Theo tính toán của Global Footprint Network, “Ngày Trái đất vượt ngưỡng phục hồi” (ngày nhân loại sử dụng hết lượng tài nguyên mà hành tinh xanh có thể đáp ứng trong cả năm) cũng ngày càng đến gần hơn trong 50 năm qua, bắt đầu từ cuối tháng 12 năm 1971 và đến năm 2023, ngày này sẽ rơi vào ngay những ngày đầu tháng 8, buộc các quốc gia phải lên kế hoạch đối phó, chuyển sang KTTH, tái tạo tài nguyên.

2.2. Nhận thức chung về KTTH

Theo Ellen MacArthur: “KTTH là một hệ thống có tính phục hồi và tái tạo thông qua các kế hoạch và thiết kế chủ động. Nó thay thế khái niệm “kết thúc vòng đời” bằng khái niệm khôi

phục, chuyển dịch theo hướng sử dụng năng lượng tái tạo, loại bỏ các hóa chất độc hại làm giảm khả năng tái sử dụng, hướng tới giảm thiểu chất thải thông qua thiết kế vượt trội của vật liệu, sản phẩm, hệ thống kỹ thuật và các mô hình kinh doanh trong phạm vi của nó.” (Ellen MacArthur Foundation, 2012). Geissdoerfer và cộng sự coi KTTH là “một hệ thống tái tạo trong đó đầu vào tài nguyên và chất thải, khí thải và rò rỉ năng lượng được giảm thiểu bằng cách làm chậm, khép kín và thu hẹp các vòng lặp vật liệu và năng lượng. Điều này có thể đạt được thông qua các thiết kế có tính dài hạn, bảo trì, sửa chữa, tái sử dụng, tái sản xuất, tân trang và tái chế (Geissdoerfer et al., 2017). Cốt lõi của KTTH là dòng tuần hoàn nguyên vật liệu và việc sử dụng nguyên vật liệu thô và năng lượng qua nhiều giai đoạn (Yuan et al., 2008). Nền kinh tế này được phục hồi theo thiết kế nhằm mục đích giữ cho các sản phẩm, linh kiện và vật liệu luôn có giá trị và tiện ích cao nhất (Webster, 2015).

Tại Việt Nam, thuật ngữ “kinh tế tuần hoàn” chính thức được định nghĩa trong Luật Bảo vệ Môi trường 2020, điều 142, khoản 1, đó là: “KTTH là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường”.

Do đó, KTTH sẽ thay thế quy trình truyền thống sử dụng tài nguyên không thể tái tạo của kinh tế tuyến tính. Mô hình này tập trung vào lợi ích tích cực cho toàn xã hội, tách hoạt động kinh tế ra khỏi việc tiêu thụ các nguồn tài nguyên hữu hạn (Ghosh, 2019), hướng tới phát triển bền vững.

2.3. Nhu cầu điều chỉnh của pháp luật đối với hoạt động KTTH

Do có nhiều cách tiếp cận và nhiều phương thức khác nhau, nên có quan điểm cho rằng “KTTH đang có nguy cơ cản trở ưu thế của chính nó do thiếu sự rõ ràng” (Hồ Thị Vân Anh, Phạm Tú Anh, 2021). Sự rõ ràng này không chỉ được thể hiện trong hành động của các tổ chức, cá nhân, mà quan trọng hơn phải được hiện hữu ở từng điều khoản, văn bản luật, chính sách của nhà chức trách, góp phần làm rõ các vướng mắc và có giải pháp hoàn thiện mô hình này sớm nhất có thể.

3. Khung pháp lý về thúc đẩy KTTH trên thế giới

❖ Ủy ban châu Âu

Nhằm tiếp cận KTTH một cách tổng quát, Ủy ban châu Âu đã ban hành hệ thống chính sách thúc đẩy hạn chế chất thải và tăng tái chế. Từ Gói đề xuất KTTH 2015, Kế hoạch hành động KTTH cuối 2015, Kế hoạch thiết kế sinh thái 2016-2019, Chỉ thị 98 về Chất thải và gần đây là Chỉ thị Sửa đổi (EU) 2018/851 sửa đổi Chỉ thị 98, EU hướng tới thiết lập một khuôn khổ pháp lý hiệu quả để xử lý chất thải. Là một phần của gói biện pháp về KTTH, Chỉ thị 851 đặt ra yêu cầu vận hành tối thiểu cho các chương trình mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất, bao gồm trách nhiệm của tổ chức, trách nhiệm ngăn ngừa lãng phí cũng như khả năng tái sử dụng, tái chế của sản phẩm, đồng thời đặt ra mục tiêu mới về tái chế chất thải đô thị (EUR-Lex, 2022).

❖ Thụy Điển

Quản lý chất thải không phải là tất cả của KTTH, nhưng là vấn đề cốt lõi. Thụy Điển đã thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với các sáng kiến và chính sách bảo vệ môi trường, đặc biệt trong lĩnh vực rác thải, với tỷ lệ tái chế rác thải đạt đến 99%. Có được thành quả này là sự nỗ lực không ngừng trong việc thiết lập các chính sách pháp luật bắt đầu từ thập kỷ 60 với Đạo luật Bảo tồn Thiên nhiên năm 1964, Đạo luật Sản phẩm Nguy hiểm cho Sức khỏe và Môi trường 1973, Luật Chu trình sinh thái 1994, Pháp lệnh Chất thải 2001. Đặc biệt, Bộ luật Môi trường 1999 tích hợp 15 luật môi trường hiện có trước đó, tạo thành luật chung điều chỉnh tất cả các tác động môi trường thông qua việc bảo vệ sức khỏe con người, môi trường, cũng như sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên. Việc thu gom và xử lý chất thải, quản lý tài nguyên, hệ thống cấp phép, cơ quan giám sát và hình phạt nếu vi phạm được bổ sung trong Pháp lệnh Chất thải (Shirley, 2014).

❖ Đức

Tương tự một số quốc gia châu Âu khác, Đức cũng hòa mình vào dòng chảy KTTH. Các luật, chính sách và quy định được thực thi nhằm đảm bảo vòng tuần hoàn của nguyên liệu (Olabode, 2019), bao gồm: Đạo luật Xử lý chất thải 1972, Đạo luật Kiểm soát khí thải liên bang 1974, Trách nhiệm của nhà sản xuất đối với rác thải bao bì 1991, Đạo

luật Quản lý chất thải và chu trình khép kín 1996, Pháp lệnh Chôn lấp 2002, Pháp lệnh Lưu trữ chất thải 2005; Pháp lệnh Pin 1997, Pháp lệnh Chất thải sinh học 1998, Pháp lệnh Bao bì 1998, Đạo luật xe hết hạn sử dụng 2002, Pháp lệnh Quản lý gỗ phế thải 2002, Pháp lệnh Quản lý chất thải đô thị có nguồn gốc thương mại, xây dựng và phá dỡ 2002, Đạo luật Thiết bị Điện và Điện tử 2006. Đặc biệt, thực hiện hướng dẫn của Ủy ban châu Âu, Đạo luật KTTH được thông qua năm 2012, cùng với Luật Năng lượng tái tạo sửa đổi năm 2017 đã tạo ra một khung pháp lý toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong xử lý chất thải, chuyển trách nhiệm cho nhà sản xuất, đảm bảo thu hồi và tái sử dụng.

❖ Hàn Quốc

Ở Hàn Quốc, quy định pháp luật được quan tâm xây dựng nhằm giảm thiểu, tái chế chất thải, cũng như nâng cao vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp và người dân. Luật khung và các luật liên quan được ban hành, bao gồm Đạo luật Quản lý chất thải 1986; Đạo luật Thúc đẩy tái chế và tiết kiệm tài nguyên (1992, sửa đổi 2008); Đạo luật Khuyến khích mua sắm xanh 2004; Đạo luật khung về lưu thông tài nguyên 2016; Đạo luật cơ bản về tuần hoàn tài nguyên 2018; Đạo luật Năng lượng mới và tái tạo 2004; Luật Quản lý môi trường biển 2007; Đạo luật khung về chính sách môi trường 2012. Từng loại chất thải cũng được điều chỉnh như: Đạo luật Xúc tiến và hỗ trợ cơ sở xử lý chất thải khu vực xung quanh 1995; Đạo luật Xúc tiến tái chế chất thải xây dựng 2005; Đạo luật Quản lý, sử dụng phân gia súc 2006; Đạo luật Tuần hoàn tài nguyên thiết bị điện, điện tử và phương tiện 2008... (Odey et al., 2021). Thông qua đó, tái chế được thúc đẩy, hệ thống quản lý chất thải và lưu thông tài nguyên được thiết lập.

❖ Nhật Bản

Nhật Bản đã có những bước đi ban đầu nhằm chuyển sang KTTH từ năm 1870 nhưng chỉ thực sự mang lại kết quả với việc sử dụng các vật liệu tái chế theo Luật Hiệu quả tài nguyên 1991. Nhật Bản đã xây dựng một xã hội tuần hoàn bằng cách tích hợp con người, nền kinh tế và hệ thống xã hội thông qua việc sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên không tái tạo và thay đổi chiến lược đối với các nguồn tài nguyên tái tạo. KTTH ở Nhật Bản được triển khai theo cách tiếp cận từ trên xuống, sử dụng luật pháp

và quy định với một khung pháp lý khá đầy đủ và toàn diện (Olabode, 2019), bao gồm: Luật Quản lý chất thải (1970, sửa đổi 2010); Đạo luật Thúc đẩy sử dụng hiệu quả tài nguyên 1991; Luật Môi trường 1993; Luật Thu gom và tái chế thùng chứa và bao bì 1995; Luật Tái chế thiết bị gia dụng 1998; Luật Cơ bản về thiết lập xã hội chu kỳ vật chất lành mạnh 2000; Luật Tái chế 2000; Luật Tái chế xe hết niên hạn sử dụng 2002; Luật Xã hội dựa trên tái chế 2002; Luật Tái chế đồ gia dụng nhỏ 2013; Luật Tuần hoàn tài nguyên nhựa 2022.

❖ Trung Quốc

Trung Quốc đã ban hành khuôn khổ pháp lý hỗ trợ phát triển KTTH trong các lĩnh vực: (i) sản xuất sạch hơn (Luật Khuyến khích sản xuất sạch hơn 2002); (ii) quản lý ô nhiễm và chất thải (Luật Ô nhiễm môi trường về chất thải rắn 2004, Luật Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sửa đổi 2016, Luật Thuế bảo vệ môi trường 2018, Luật Tái sử dụng, tái chế chất thải rắn đặc thù 2020); (iii) bảo tồn năng lượng (Định luật bảo toàn năng lượng 1997, Luật Năng lượng tái tạo 2005) (Olabode, 2019). Đặc biệt, sự ra đời của “Luật Thúc đẩy KTTH” cho thấy sự đầu tư nghiêm túc của Trung Quốc. Luật tập trung vào kế hoạch phát triển, mở rộng trách nhiệm nhà sản xuất, hệ thống quản lý giám sát doanh nghiệp trọng điểm có mức tiêu thụ nước và năng lượng cao, chỉ số KTTH, số liệu thống kê và các hệ thống quản lý khác (Li & Lin, 2016).

4. Khung pháp lý thúc đẩy phát triển KTTH ở Việt Nam

4.1. Hệ thống văn bản chính sách và pháp luật

Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản nhằm xây dựng và phát triển KTTH từ năm 1998 với Chỉ thị số 36/CT-TW; Nghị quyết số 41-NQ/TW năm 2004 của Bộ Chính trị; Chiến lược Bảo vệ môi trường 2012; Chiến lược Tăng trưởng xanh 2012; Chương trình Hành động quốc gia sản xuất và tiêu dùng bền vững đến 2020, tầm nhìn đến 2030; Chiến lược Phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến 2050; Nghị quyết số 55-NQ/TW năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược Phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến 2030, tầm nhìn đến 2045, bắt đầu từ các hình thức tiếp cận gián tiếp như “áp dụng công nghệ sạch, ít phế thải, tiêu hao

ít nguyên liệu và năng lượng”, “khuyến khích tái chế, sử dụng sản phẩm tái chế”, “thu hồi, xử lý sản phẩm đã qua sử dụng”. Đến năm 2020, với Luật Bảo vệ môi trường, khái niệm KTTH chính thức được định nghĩa và sau đó là các văn bản điều chỉnh trực tiếp như: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 687/2022/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Phát triển KTTH ở Việt Nam. Luật Khoáng sản 2010; Luật Tài nguyên nước 2012; Luật Đất đai 2013; Luật Trồng trọt 2018; Luật Đầu tư 2020,... cũng đề cập đến một số vấn đề có liên quan.

4.2. Đánh giá khung pháp lý hiện hành về KTTH ở Việt Nam

Thực tế, nhiều khía cạnh như phân loại chất thải tại nguồn, mua sắm công xanh, mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất, thúc đẩy thị trường tái chế,... ít nhiều đã được quy định trong pháp luật Việt Nam. Tuy vậy, các quy định này mới dừng lại ở mức độ khung, chưa tạo ra hành lang pháp lý đồng bộ. Hiện nay, chúng ta còn thiếu một số quy định chi tiết thúc đẩy KTTH, như: trách nhiệm của doanh nghiệp về thu hồi, phục hồi tài nguyên từ các sản phẩm đã qua sử dụng; thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường... Đồng thời, chưa có bộ tiêu chí để nhận diện, đánh giá, tổng kết và phân loại mức độ phát triển của KTTH (Hưng, 2022).

Trọng tâm trong điều chỉnh KTTH hiện vẫn là công tác thu gom và quản lý chất thải. Trong khi đó, liên quan đầu vào của vật liệu và vòng đời sản phẩm (như khai thác tài nguyên tiết kiệm, thiết kế tốt hơn trong sản xuất) vẫn chưa được điều chỉnh hợp lý. Bên cạnh đó, quản lý chất thải nguy hại/nhựa/điện tử, phương tiện hết hạn sử dụng vẫn còn hạn chế (Hai et al, 2019).

Mặc dù nội hàm KTTH được quy định khá rộng, nhưng các quy định vẫn còn tản mạn, rải rác ở nhiều văn bản khác nhau, chủ yếu là khuyến khích, chưa đi sâu vào việc triển khai và xử lý.

5. Kết luận và một số khuyến nghị

Theo Báo cáo “Mô hình kinh doanh tuần hoàn: Kinh nghiệm quốc tế và áp dụng tại Việt Nam” của CIEM (2022), có 6 mô hình kinh doanh tuần hoàn phổ biến bao gồm: “Sửa chữa và bảo trì”, “Sử dụng và phân phối lại”, “Tân trang và sản xuất lại”, “Tái chế và thu hồi vật liệu”, “Sắp xếp

và định vị lại mục đích sử dụng sản phẩm”, “Sử dụng nguyên liệu hữu cơ”. CIEM đã tiến hành một cuộc khảo sát và kết quả có 21-33% số doanh nghiệp được hỏi biết rõ về 1 trong 6 mô hình trên. Tỷ lệ các doanh nghiệp chưa biết đến mô hình là 8-15%. Tỷ lệ doanh nghiệp chưa áp dụng dao động từ 51-66%, trong đó 39% số doanh nghiệp này chưa từng áp dụng bất kỳ hình thức nào. Những con số này cho thấy doanh nghiệp Việt Nam chưa sẵn sàng chuyển sang KTTH. Trong khi đó, một nghiên cứu của Accenture về KTTH xác định có thể đạt được sản lượng kinh tế tăng thêm 4,5 nghìn tỷ USD vào năm 2030 thông qua các mô hình kinh doanh tuần hoàn tách biệt tăng trưởng kinh tế với tiêu thụ tài nguyên thiên nhiên (WBCSD, 2021).

Như vậy, KTTH trở thành xu hướng không chỉ bởi mục tiêu phát triển bền vững, mà còn bởi những lợi ích mà nó mang lại. Tuy vậy, không dễ dàng để chuyển đổi khi mà đa phần các doanh nghiệp vẫn đang trong guồng quay của kinh tế tuyến tính.

Pháp luật với vai trò là công cụ quản lý nhà nước, vừa là rào cản lớn, vừa là yếu tố thúc đẩy và cũng là giải pháp bao trùm để dịch chuyển mô hình kinh tế theo hướng tuần hoàn (Đường & Dũng 2022). Việc thiết kế quy định pháp luật phải xem xét đầy đủ các yếu tố, như: thể chế, chính sách; cơ sở hạ tầng; khoa học công nghệ, internet vạn vật; trách nhiệm xã hội, ý thức và hành vi... để hạn chế tối đa các rào cản KTTH. Sự tham gia của tất cả các bên liên quan từ khu vực nhà nước, doanh nghiệp, nhà chế biến, sản xuất, phân phối, bán lẻ, người tiêu dùng, người thu gom rác... là rất cần thiết. Tuy nhiên, khu vực công đóng vai trò quan trọng để kiến tạo và thúc đẩy hệ sinh thái tuần hoàn (Toản & Mạnh, 2022), xây dựng khuôn khổ pháp lý nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua những thách thức, khó khăn khi chuyển đổi mô hình.

Về giải pháp cụ thể, cần hướng dẫn chi tiết hơn các điều luật về KTTH trong Luật Bảo vệ môi trường. Theo đó tập trung vào 3 nhóm lĩnh vực cần xây dựng, bao gồm: KTTH trong nông nghiệp, trách nhiệm của nhà sản xuất, khu công nghiệp sinh thái và cộng sinh công nghiệp. Các loại chất thải đặc thù cần được điều chỉnh trong các văn bản

chuyên biệt như nhiều quốc gia đã làm. Hiệu quả tài nguyên và thiết kế lại cũng đòi hỏi sự quan tâm nhiều hơn từ các nhà hoạch định chính sách bởi KTTH không chỉ là quản lý chất thải, mà quan trọng là phục hồi và tái tạo (Hai et al., 2019).

Ngoài ra, cần xây dựng khung chính sách về chỉ số đo lường hỗ trợ phát triển KTTH. Theo một số chuyên gia, có 4 nhóm chỉ tiêu cho bộ chỉ số, gồm: (i) các chỉ số về vật liệu và dòng chảy của chất thải, (ii) các chỉ số về tác động môi trường, (iii) các chỉ số về tác động kinh tế - xã hội, (iv) các chỉ số về chính sách và quá trình thực hiện. Việc xây dựng khung chính sách KTTH cần dựa trên các chỉ số đo lường này (Quân và nnk, 2023). Tác giả cho rằng

giải pháp này vô cùng thiết thực bởi lẽ dịch chuyển sang KTTH là nỗ lực trọng tâm trong cách tiếp cận tái tạo hơn cho hoạt động kinh doanh. Các định nghĩa, tiêu chuẩn, tiêu chí, quy trình và ngôn ngữ cần được thống nhất, giúp dòng chảy tài nguyên thứ cấp hiệu quả, an toàn, bền vững và có trách nhiệm trên toàn cầu (VBCSD, 2021).

Hoạt động kinh doanh nói chung và KTTH nói riêng cần một môi trường pháp lý ổn định. Đầu tư nghiên cứu và xây dựng khung pháp lý thúc đẩy KTTH đồng bộ và toàn diện sẽ góp phần làm cho bức tranh kinh tế thêm phần khởi sắc, làm xanh hơn bức tranh môi trường và hướng tới một thế giới “không phát thải” trong tương lai ■

Lời cảm ơn:

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Bách khoa Hà Nội trong đề tài mã số T2022-PC-076.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Anh, H.T.V., & Anh.P.T. (2021). Tổng quan về nghiên cứu kinh tế tuần hoàn. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, số 54.
2. Đường, L.H., & Dũng, Đ.T. (2022). Kinh nghiệm xây dựng, hoàn thiện pháp luật về KTTH ở một số nước trên thế giới và đề xuất cho Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 11 (459).
3. Toàn, M.T., & Mạnh, L.V. (2022). Giới thiệu khung pháp lý thực hiện kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam. Tạp chí Môi trường số 1.
4. Quân, N.H., Thuận, T.M., & Trân, N.B., (2023). Định hướng hình thành khung pháp lý hỗ trợ chuyển đổi thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn của Việt Nam. Truy cập tại <https://bit.ly/dinh-huong-khung-phap-ly-KTTH>
5. Hưng, T., (2022). Kinh tế tuần hoàn (Bài 4): Những cơ hội và thách thức. Truy cập tại <https://moitruong.net.vn/kinh-te-tuan-hoan-bai-4-nhung-co-hoi-va-thach-thuc-53725.html>
6. WBCSD, (2021). Báo cáo “Tầm nhìn đến 2050: Đã đến lúc chuyển đổi”. Truy cập tại https://www.wbcsd.org/Overview/About-us/Vision_2050
7. Ellen Macarthur Foundation, (2012). Toward the circular economy: Economic and business rationale for an accelerated transition. Isle of Wight, Vol.1.
8. Odey, G., Adelodun, B., Kim S.H., & Choi, K.S., (2021). Status of Environmental Life Cycle Assessment (LCA): A Case Study of South Korea. Sustainability 2021, 13, 6234.
9. Galvão, G.D.A., J. de Nadaeb, Clementea, D.H., Chinena, G., M.M. de Carvalhoa, (2018). Circular Economy: Overview of Barriers. Procedia CIRP, 73, 79-85.
10. Hai, H.T., Quang, N.D., Thang, N.T., & Nam, N.H., (2019). Circular in Vietnam. Circular Economy: Global Perspective, Springer, 423-452
11. EUR-Lex, (2022). EU waste management law. Available at <https://eur-lex.europa.eu/EN/legal-content/summary/eu-waste-management-law.html>
12. Li, W. and Lin, W., (2016). Circular Economy Policies in China. In: Venkatachalam Anbumozhi & Jootae Kim (ed.), Towards a Circular Economy: Corporate Management and Policy Pathways, chapter 7, 95-111, Economic Research Institute for ASEAN and East Asia (ERIA).

13. Geissdoerfer M., Savaget P., Bocken N., and Hultink E., (2017). The Circular Economy-A new sustainability paradigm?. Journal of Cleaner Production 143, 757-768.
14. Olabode E. O., (2019). A Review of Circular Economy Development Models in China, Germany and Japan. Recycling 2019, 4, 27.
15. Ghosh S.K., (2019), Circular Economy: Global Perspective. New York City: Springer, DOI: 10.1007/978-981-15-1052-6
16. Shirley TAM, (2014). Waste management policy in Sweden. Available at <https://bit.ly/waste-management-policy-in-sweden>
17. Webster, K., (2015). The circular Economy: A wealth of flows. Isle of Wight: Ellen MacArthur Foundation.
18. Yuan, Z., Bi, J., Moriguchi, Y., (2008). The circular economy: A new development strategy in China. J.Ind.Ecol. 10, 4-8.

Ngày nhận bài: 8/8/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 18/8/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/9/2023

Thông tin tác giả:

NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG

Viện Kinh tế và Quản lý

Đại học Bách khoa Hà Nội

LEGAL FRAMEWORK ON PROMOTING CIRCULAR ECONOMY - INTERNATIONAL EXPERIENCES AND IMPLICATIONS FOR VIETNAM

● NGUYEN THI THUY HANG

School of Economics and Management
Hanoi University of Science and Technology

ABSTRACT:

This study presents lessons on building and improving the legal framework regulating circular economies by systematizing the theoretical basis and legal policies of some countries in the world. The study's findings show that most of the countries that pioneered the implementation of the circular economy and built the appropriate legal framework have made a strong breakthrough in their sustainable development strategies. This is an extremely valuable lesson for Vietnam. By suggesting some lessons, the study has practical implications for building a legal framework to promote the circular economy in the context of deepening climate change and increasing the inadequacies of the linear economy.

Keywords: circular economy, legal framework, sustainable development.